

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST

Ngày 23 tháng 5 năm 2024

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Trọng Thử;
- Ông Nguyễn Văn Diệu.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXX-ST ngày 15/4/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 17A/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07/5/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1999

Nơi cư trú: thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1999

Nơi cư trú: thôn B, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại đơn xin xét xử vắng mặt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn C có tự do, tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 12/7/2022 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xã Đ và lao động tự do. Quá trình chung sống đến tháng 9 năm 2023 giữa 02 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã ly thân từ tháng 9 năm 2023 cho đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không

còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chỉ đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Chị và anh C không có con chung, hiện tại chị không có thai nghén gì.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Nguyễn Văn C vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.*

- *Tại biên bản xác minh với gia đình anh Nguyễn Văn C thể hiện:* Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào ngày 12/7/2022. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại gia đình anh C tại xã Đ và lao động tự do. Quá trình chung sống vợ chồng Chị T, anh C có lời qua tiếng lại, Chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình sinh sống, vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2023 cho đến nay. Nay Chị T có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị T, anh C không có con chung. Về tài sản chung: không có.

Hiện nay anh C đi làm lao động tự do, anh C thường xuyên liên lạc về với gia đình. Gia đình ông, bà đã nhận được các văn bản, quyết định tố tụng của Tòa án giao cho anh C và thông báo cho anh C biết. Quan điểm của anh C là anh không đồng ý ly hôn, anh không đến tòa án làm việc đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Tại biên bản xác minh với cơ sở thôn B, cán bộ tư pháp xã Đ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình thể hiện:*

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào ngày 12/7/2022. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại gia đình anh C. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp bất đồng quan điểm sống. Hiện nay Chị T và anh C đã sống ly thân mỗi người một nơi. Nay Chị T có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị T và anh C không có con chung. Về tài sản chung: Cơ sở thôn không nắm rõ.

- *Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia tố tụng là thể hiện chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại xã Đ, huyện Quỳnh Phụ nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Chị T, anh C.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân và địa chỉ của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của Chị T, anh C được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình vào ngày 12/7/2022 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã Đ, huyện Quỳnh Phụ và lao động tự do. Quá trình chung sống đến tháng 9/2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã ly thân từ năm 2023 cho đến nay không hỏi han, chia sẻ với nhau. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, mặc dù biết được việc Chị T đề nghị ly hôn nhưng anh C không đến tòa án trình bày quan điểm và cũng không có biện pháp nào để hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Điều này chứng tỏ anh C không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị T, anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị T, xử cho chị được ly hôn anh C là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C không có con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn C.
2. Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C không có con chung.
3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.
4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) Chị T đã nộp theo Biên lai thu số 0004595 ngày 08/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- UBND xã Đ, huyện Quỳnh Phụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Doanh